Phụ lục

DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT

(Kèm theo Quyết định số 644/QĐ-SYT ngày 20/5/2025 của Sở Y tế)

STT		Phụ lục số 01 thông tư số 23/2024/TT-BYT		
	STT (Cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
01	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
02	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
03	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
04	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
05	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
07	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
08	14375	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhổ)
10	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
11	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
12	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
13	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
14	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
15	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
16	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
17	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt

18	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
19	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
20	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
21	14419	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cẩn nhựa
22	14420	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cẩn sứ
23	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cẩn sứ
24	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
25	14423	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cẩn sứ
26	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
27	14425	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
28	14426	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
29	14427	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cẩn nhựa
30	14428	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cẩn sứ
31	14429	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cẩn sứ
32	14430	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cẩn sứ
33	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
34	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
35	14433	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
36	14434	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
37	14435	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
38	14436	16.123	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại
39	14437	16.124	16. RĂNG HÀM	Inlay/Onlay hợp kim Titanium

			MẶT	
40	14438	16.125	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay kim loại quý
41	14439	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
42	14440	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
43	14441	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
44	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
45	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
46	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
47	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
48	14446	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
49	14447	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium
50	14448	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hở mặt nhai
51	14449	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
52	14450	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
53	14451	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
54	14452	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
55	14453	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
56	14454	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
57	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
59	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
60	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
61	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa

62	14533	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
63	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
64	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
65	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
66	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
67	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
68	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
69	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
70	14542	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
72	14543	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
73	14544	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
74	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
75	14546	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
76	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
77	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
78	14550	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
79	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
80	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
81	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
83	14554	16.340	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp

Tổng: 83 danh mục.